TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HS-PT
Ngày: 28/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **ông Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng** và bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 311/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Trọng C, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) xét xử sơ thẩm về tội "Giết người" do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 22/5/2025.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Trọng C (tên gọi khác: T, B, Nguyễn Văn C1), sinh ngày 10/8/1955, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã P, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D (chết) và bà Nguyễn Thị T1 (Tiết) (chết); có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 05/7/1978, bị Ty Công an P (nay là tỉnh Khánh Hòa) bắt về hành vi "Sử dụng vũ khí trái phép", "Giả danh cán bộ để hoạt động phạm pháp" thì Nguyễn Trọng C khai tên là Nguyễn Văn C1 (sinh năm 1953, trú tại: Khóm E, phường E, quận C, TP .), bị UBND tỉnh P đưa đi tập trung giáo dục cải tạo trong thời hạn 03 năm. Đến ngày 06/11/1979 được Ty Công an P ra Lệnh tha. Từ cuối năm 1979 đến tháng 7/2024: Nguyễn Trọng C khai tên là Nguyễn Văn C1 (sinh ngày 10/8/1943, nguyên quán: L, L, Hậu Giang) để che giấu lai lịch và lẩn trốn ở

nhiều địa phương khác nhau.

Bị cáo bị bắt truy nã, áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ", "Tạm giam" từ ngày 12/7/2024 đến nay, **có mặt.**

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:*

Đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc T2, Ngô Thị T3: bà Nguyễn Thị Lệ O, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã H, tỉnh Gia Lai), **có mặt.**

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Trọng C*:* Ông Nguyễn Thanh H1 - Luật sư hoạt động tại Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: B L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường A, tỉnh Gia Lai), **có mặt.**

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là Thôn Chánh D1, xã Đ, tỉnh Gia Lai), **vắng mặt.**

2. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1947

3. Bà Hồ Thị E, sinh năm 1949

Đồng trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai), **đều vắng mặt.**

4. Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985; Trú tại: 5 P, phường G, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 5 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng C (Sinh năm: 1955, trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định) là đối tượng lưu manh chuyên nghiệp. Khoảng cuối năm 1976, C nhiều lần đến nhà bà Lê Thị L2 (Sinh năm: 1930) ở thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Nghĩa Bình gửi xe đạp để đi tàu lửa tại Ga K thuộc thôn T, xã C, huyện P và giới thiệu tên là C, thường gọi là T, làm y tá ở Lâm nghiệp. Từ đó C lân la làm quen với chị Nguyễn Thị Lệ O (Sinh năm: 1960, con ruột bà L2). Thời gian sau đó, C thường xuyên đến nhà tán tỉnh chị O và tỏ ra là người lễ phép nên được bà L2, bà Ngô Thị T3 (Sinh năm: 1901, mẹ ruột bà L2), bà Lê Thị D2 (Sinh năm: 1941, em ruột bà L2), em ruột chị O là Nguyễn Thanh H (Sinh năm: 1967) và Nguyễn Thị Ngọc T2 (Sinh năm: 1972) quý mến, C có lần ngủ lại qua đêm ở nhà bà L2, còn bà O không có tình cảm với Cầm vì đã có người yêu và biết C là người không đàng hoàng.

Tháng 11/1977, ông Nguyễn Ngọc A (Sinh năm: 1921; trú tại: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Phú Yên), nghề nghiệp: Y sỹ) đến nhà bà L2 thăm chơi thì gặp C, thấy C lễ phép nên ông A quý mến và nhận làm con nuôi, ông A đưa địa chỉ nhà ở huyện T cho C biết nên C nhiều lần vào nhà ông A

thăm chơi. Ngày 22/4/1978, C mượn ông A 01 cặp da màu nâu (kích thước (50x40)cm, loại quai xách, có 03 ngăn) để đựng đồ đạc và nói với ông A là đi vào TP ..

Trong thời gian đến nhà bà L2 chơi thì C biết nhà bà L2 thường có bà L2, bà T3, H và T2 ở nhà, còn bà O đi học ở xa, nên C nảy sinh ý định giết người, cướp tài sản của gia đình bà L2. Để thực hiện hành vi giết người, cướp tài sản thì vào chiều ngày 25/4/1978 C đi đến Tổ hợp cơ khí Phù Cát đặt rèn một con dao nhỏ mũi nhọn và ông Nguyễn B1 (Sinh năm: 1928, trú tại: Xóm A, thôn A, xã C, huyện P) là người trực tiếp rèn con dao (dài 32 cm, lưỡi bằng sắt dài 20cm, mũi nhọn, cán dao dài 12cm, cán bằng sắt ống nước, trong giữa cán (ống sắt) có chêm gỗ kín) theo yêu cầu của C, tại Tổ hợp cơ khí P1 có anh Nguyễn Hồng S (Sinh năm: 1957, trú tại: Thôn C, xã C, huyện P) hỏi C *"Anh đến đây có việc gì không"* thì C trả lời *"Tôi đến đây để rèn một con dao về cho vợ làm con vịt, con gà"*, anh S hỏi tiếp *"Làm dao về làm gà, vịt mà sao nhỏ thế, làm sao mà chặc gà, vịt cho nổi"* thì C trả lời *"Dùng dao nhỏ để khi cắt con gà móc cuống họng ra mau chết và dùng mũi dao nhọn để luồn ruột gà, vịt"*, khi con dao được rèn xong thì C bỏ vào cặp da màu nâu bỏ đi.

Trong ngày 26/4/1978, khoảng 15 giờ bà Lê Thị D2 ẵm con ruột là cháu Vũ Lê D3 (Sinh năm: 1976) đến gửi Ngô Thị T3 giữ để đi làm ruộng, khoảng 16 giờ 30 phút bà L2 đi vào Q mua hàng và dặn H, T2 phải đi ngủ sớm, đóng cửa cẩn thận. Vào khoảng 20 giờ, C xách theo cặp da màu nâu, bên trong có để con dao đi đến nhà bà Lê Thị L2 để thực hiện hành vi giết người, cướp tài sản, C đi theo đường bên hông nhà đến gần chuồng gà mở cặp da lấy con dao cầm trên tay rồi đi đến gọi mở cửa và khi H, T2 ra mở cửa trước thì bị C dùng con dao đâm liên tiếp vào người H 24 nhát làm H chết tại chỗ, đâm T2 27 nhát làm T2 ngã gục tại chỗ, C đi vào phòng buồng đâm liên tiếp vào người bà T3 08 nhát làm bà T3 chết tại chỗ. Sau đó, C bỏ con dao trên bàn tại phòng khách rồi lục tìm tủ đồ ở phòng khách cướp được tài sản gồm 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ (kiểu đánh trơn, có hột màu hồng), 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ (kiểu lá hẹ, khâu rựa), 01 đồng hồ nữ (hiệu S1), 220 Việt Nam đồng. Đến khoảng 20 giờ 45 phút, bà D2 đến nhà bà L2 đón cháu D3 về thì khi nhìn qua cửa sổ thấy trong nhà có một bóng người, bà D2 đứng bên ngoài gọi *"Mẹ ơi, mẹ ơi"* nhưng không thấy ai trả lời, lúc này C đi đến cửa hỏi *"Chị hai hả chị hai, chị hai mới về phải không chị hai"* thì bà D2 trả lời *"Không"*, C mở hé cửa ra hỏi *"Chị ở đâu"* thì bà D2 trả lời *"Tôi ở đây"*, C hỏi tiếp *"Chị ở đâu"* thì bà D2 trả lời *"Tôi ở đây"*, C lại hỏi *"Chị đi đâu về"* thì bà D2 trả lời *"Tôi đi làm về"*, C nói *"Chị quay mặt ra chỗ khác chứ không tôi bắn chết"* thì bà D2 nhận ra Cầm nhưng nghĩ C đang nói giỡn nên bà D2 trả lời *"Không"*. Ngay lúc này, C lui vào trong nhà ôm một túi đồ bước ra khỏi cửa thì bà D2 hỏi *"Bà già có ở trong đó không"*, C trả lời *"Có ở trong ấy"*, bà D2 nhìn theo Cầm thì thấy C ôm túi đồ đi đến chuồng gà và xách cái cặp da đi nhanh ra đường Q. Lúc này, bà D2 hô hoán lên *"Trộm, trộm bà con ơi"* thì C bỏ chạy về thị trấn N, huyện P. Nghe tiếng hô hoán, ông Vũ Đình D4 (Sinh năm 1940, chồng bà D2) đang ngồi họp tại Ga K ở gần đó cùng với một số cán bộ Ga K xách đèn chạy xuống đường Quốc lộ 1A thì thấy C đang chạy về hướng thị trấn N, huyện

P nên đuổi theo nhưng không kịp. Phát hiện T2 còn sống thì ông Hồ Văn H2 (Sinh năm: 1927, trú tại: Thôn T, xã C, huyện P) đưa đến Bệnh xá Phù Cát cấp cứu, ông H2 hỏi T2 *"Cháu biết ai không"* thì T2 trả lời *"Biết"*, ông H2 hỏi *"Ai"* thì T2 trả lời *"Chú Bảy"*, ông H2 hỏi liên tiếp hai lần *"Ai đánh cháu đau thế"* thì T2 trả lời *"T, T"*, rồi T2 chết.

Sau khi gây án, Nguyễn Trọng C bỏ trốn khỏi địa phương, thay đổi tên, tuổi, lẩn trốn ở nhiều địa phương khác nhau, đến ngày 12/7/2024 khi đang lẩn trốn ở TT. N, huyện C, tỉnh Hậu Giang thì bị Công an tỉnh B bắt theo Lệnh truy nã đặc biệt số: 164 ngày 10/7/1980.

- Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/4/1978, biên bản khám nghiệm tử thi ngày 27/4/1978 của Bệnh viện Đ – Ty Y tế N1 (nay là tỉnh Bình Định) có nội dung:

1. Tử thi Nguyễn Thanh H, có tất cả 24 vết thương, các vết thương đều hình bầu dục, bờ sắc gọn trong đó có một vết thương tổn thương tới thận, và hai vết thương sâu tới tim.

2. Tử thi Nguyễn Thị Ngọc T2 có cả thảy 27 vết thương, các vết thương hình bầu dục, bờ sắc gọn, trong đó có các vết thương thủng lòi ruột và thủng phổi phải.

3. Tử thi Ngô Thị T3 có 08 vết thương đều hình bầu dục bờ vết thương sắc gọn, trong đó có vết thương vào tim.

Kết luận:

1. Căn cứ vào hình dạng vết thương có thể nghĩ là tất cả các vết thương trên 03 tử thi đều do hung khí sắc nhọn gây nên.

2. Các nạn nhân chết vì bị nhiều vết thương gây mất nhiều máu và bị tổn thương nội tạng.

- Tại Thông báo kết quả giám định số: 49 ngày 12/6/1978 của V có nội dung: (Bl: 46).

+ Máu tử thi Ngô Thị T3, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Ngọc T2 đều thuộc nhóm máu O.

+ Trên nắp hộp mặt trong có gắn gương có dính máu người không xác định được nhóm máu vì lượng máu quá ít.

+ Trên con dao mũi nhọn dài 32cm có dính máu người không xác định được nhóm máu vì lượng máu quá ít.

- Cơ quan điều tra đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 4019 ngày 05/11/2024 đối với các tài sản bị chiếm đoạt và tại Văn bản số: 92 ngày 15/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định trả lời từ chối định giá tài sản với lý do: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B không nêu rõ đặc điểm kỹ thuật của tài sản (không xác định được loại vàng nào, thông tin loại vàng 18k hoặc 24k…), không có hóa đơn chứng từ, không thể hiện rõ tài sản còn hiện vật hay không và thời điểm đề nghị định giá ngày 26/4/1978 là quá lâu (thời điểm

quá khứ đã 46 năm) nên không có cơ sở thu thập các dữ liệu thông tin để xác định giá.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 22/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai), quyết định:

Áp dụng: Điểm a, b, e, i khoản 1 Điều 123; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C hình phạt Tử hình về tội "Giết người".

1.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C 07 (B) năm tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2024.

1.3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trọng C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 28/5/2025, bị cáo Nguyễn Trọng C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 03/6/2025, đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc T2, Ngô Thị T3: bà Nguyễn Thị Lệ O kháng cáo đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tử hình đối với bị cáo Nguyễn Trọng C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo liên tục thay đổi lời khai và chỉ thừa nhận có liên đến vụ án, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị H ội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc T2, Ngô Thị T3: bà Nguyễn Thị Lệ O. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C; giữ nguyên hình phạt tử hình đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, Tại các phiên tòa phúc thẩm. Bị cáo bị xét xử theo điểm a, b, e, i khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, nên buộc phải có luật sư chỉ định theo qui định pháp luật. Tuy nhiên bị cáo từ chối Ls Nguyễn Thanh H1 - Luật sư hoạt động tại Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: B L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, dù đã được HĐXX cấp phúc thẩm giải thích về quyền và nghĩa vụ tố tụng.

[2] Quá trình điều tra, truy tố xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo chỉ thừa nhận khi vào nhà bà T3 thì thấy H3 đã đâm chết 03 người, con dao còn nằm trên ngực bà T3, bị cáo liền rút dao ra bỏ tại hiện trường rồi trốn chạy cho đến ngày 12/7/2024 thì bị bắt. Bị cáo Nguyễn Trọng C chỉ nhận là đồng phạm. Tuy nhiên; căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của những người làm chứng, người có nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi cũng như tang vật thu hồi tại hiện trường vụ án phù hợp và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Do vậy; HĐXX cấp phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Trọng C có mối quan hệ quen thân với gia đình của bà Lê Thị L2 ở thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định). Lợi dụng sự thân quen với gia đình bà L2 và đã có lần ngủ lại nhà bà L2, nên C biết được thói quen sinh hoạt của gia đình bà L2, C lên kế hoạch giết người nhà bà L2 để cướp tài sản. Cầm đi đến Tổ hợp cơ khí Phù Cát gặp ông Nguyễn B1 đặt rèn một con dao nhỏ mũi nhọn (dài 32 cm, lưỡi bằng sắt dài 20cm, mũi nhọn, cán dao dài 12cm, cán bằng sắt ống nước, trong giữa cán (ống sắt) có chêm gỗ kín). Đến chiều ngày 25/4/1978 C đã chuẩn bị sẵn 01 con dao có mũi nhọn. Đến tối ngày 26/4/1978, C mang theo cặp da màu nâu bên trong có con dao rồi đến nhà bà L2 gọi mở cửa, khi vào nhà C dùng con dao đâm Nguyễn Thanh H 24 nhát, Nguyễn Thị Thanh T4 27 nhát, bà Ngô Thị T3 08 nhát. Hậu quả bà T3 và cháu H chết tại chỗ, cháu T4 chết trên đường đưa đi cấp cứu. Sau khi thực hiện hành vi giết người, bị cáo còn hành vi tài sản của gia đình bị hại, gồm 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ (kiểu đánh trơn, có hột màu hồng), 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ (kiểu lá hẹ, khâu rựa), 01 đồng hồ nữ (hiệu Senko) và 220 Việt Nam đồng rồi trốn thoát, nhưng tài sản chiếm đoạt không có hóa đơn chứng từ, không thể hiện rõ tài sản còn hiện vật hay không và thời điểm đề nghị định giá ngày 26/4/1978 là quá lâu (thời điểm quá khứ đã 46 năm) nên không có cơ sở thu thập các dữ liệu thông tin để xác định giá.

[2.1] Xét thấy; Bị cáo đã dùng dao cùng lúc tước đoạt mạng sống của ba người Nguyễn Thanh H; Nguyễn Thị Thanh T4 và bà Ngô Thị T3 và cướp của. Hành động phạm tội của bị cáo là man rợ, nhằm cướp tài sản. Sau khi gây án bị cáo đã lẩn trốn 46 năm, tại nhiều nơi và thay đổi tên nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự. Vì vậy Tòa cấp sơ thẩm đã xử bị cáo về tội *"Giết người"* theo quy định tại điểm a Điều 5 Sắc luật 03/1976 và tội *"Cướp của"* theo quy định tại điểm a Điều 8 Sắc luật 03/1976.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 thì hình phạt của tội "Giết người" theo Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội "Cướp tài sản" theo Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có lợi hơn so với hình phạt của tội *"Giết người"* theo điểm a Điều 5 Sắc luật 03/1976 và tội *"Cướp của"* theo quy định tại điểm a Điều 8 Sắc luật 03/1976, nên bị cáo được áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý về hành vi phạm tội xảy vào ngày 26/4/1976. Do đó, bị cáo Nguyễn Trọng C phạm vào tội "Giết người" với tình tiết "Giết 02 người trở lên"; "Giết người dưới 16 tuổi"; "Giết người mà

liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"; "Thực hiện tội phạm một cách man rợ" quy định tại điểm a, b, e, i khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, và tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan và đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên thì thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp tước đoạt mạng sống của 3 bị hại, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan tòa diện và áp dung đúng pháp luật. Với hành động dã man, tàn ác, vô nhân tính, thực hiện tội ác một cách man rợ, gây ra một thảm án cách đây 46 năm, nên Tòa Cấp sơ thẩm loại bỏ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi xã hội với hình phạt cao nhất là Tử hình là đúng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 22/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai),

1. Áp dụng: Điểm a, b, e, i khoản 1 Điều 123; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C hình phạt Tử hình về tội "Giết người".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C 07 (B) năm tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2024.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trọng C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **Tử hình**. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo Nguyễn Trọng C được quyền làm đơn gửi lên Chủ Tịch Nước, N2 để xin tha tội chết.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trọng C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNVCA tỉnh Gia Lai;
- Trại giam số 2 công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn